TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 4 - 2022
V/v ly hôn giữa
Chị D và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thùy

Ông Trần Đình Phấn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số số 103/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26/11/2021;về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định
* *Bị đơn*: Anh Trần Quang Đ, sinh năm 1990
Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định.
(Tại phiên tòa, chị D và anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quang Đ kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã T ngày 14/12/2011. Sau khi cưới anh chị sống không hạnh phúc vì tính cách lối sống không hòa hợp; anh Đ nghiện ma túy, chị và gia đình động viên nhưng

anh Đ không sửa chữa. Anh Đ đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc tại huyện Xuân Trường và chấp hành xong ngày 25/01/2022. Bản thân anh chị đã sống ly thân 3 năm nay, nay chị xác định không thể chung sống cùng anh Đ nên đề nghị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh có 2 con chung là Trần Lan A sinh ngày 02/5/2016 và Trần Quang P sinh ngày 25/02/2012 hiện đang ở với ông bà nội. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. tại bản khai ngày 10/02/2022 chị đề nghị nhường cả hai con cho anh Đ nuôi vì anh Đ đòi nuôi, các cháu đang ở với ông bà nội, bản thân chị cũng phải nhờ ông bà nội trông coi cho để đi làm ăn kiếm tiền nuôi con. Chị sẽ chu cấp nuôi con qua bố mẹ anh Đ chứ không đưa cho anh Đ.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng*:* Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị.

Anh Trần Quang Đ vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ đã có bản khai khi còn trong cơ sở cai nghiện ma túy và sau khi kết thúc cai nghiện bắt buộc anh cũng đã có bản tự khai xác định anh và chị D kết hôn có đăng ký tại UBND xã T ngày 14/12/2010. Do anh chơi bời nên nghiện ma túy từ 2019, vợ chồng ly thân từ đó. Chị D xin ly hôn anh không nhất trí mong chị nghĩ lại đoàn tụ nuôi con chung. Nếu chị D quyết tâm ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật. Về con chung anh chị có 2 con chung là Trần Lan A sinh ngày 02/5/2016 và Trần Quang P sinh ngày 25/02/2012, khi ly hôn anh xin nuôi cả hai con không yêu cầu chị D cấp dưỡng vì anh đã cai nghiện xong, có bố mẹ anh hỗ trợ nữa. Về tài sản công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quan điểm của chính quyền xã, thôn xóm và hội phụ nữ nhất trí giải quyết theo nguyện vọng ly hôn của chị D, đề nghị để hai con cho chị D trực tiếp nuôi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Trần Quang Đ. Giao 2 con chung là Trần Lan A sinh ngày 02/5/2016 và Trần Quang P sinh ngày 25/02/2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị D và anh Trần Quang Đ là hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh vướng vào nghiện ma túy không chịu sửa chữa phải cai nghiện bắt buộc. Chị xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn mà mong muốn đoàn tụ nhưng sau khi anh đến Tòa trình bày bản tự khai, Tòa án đã tổ chức nhiều lần hòa giải để anh chị có cơ hội tìm tiếng nói chung đoàn tụ gia đình nhưng anh Đ không đến và không có lý do gì. Điều đó chứng tỏ anh không thực sự thiết tha đoàn tụ mà chỉ gây khó khăn cho quá trình tố tụng quả Tòa án. Xét thấy cũng nên giải phóng cho anh chị để chị D tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về việc nuôi con chung: các cháu Trần Lan A và Trần Quang P hiện tại đang ở với ông bà nội và anh Đ. Chị D cũng đã gặp anh Đ sau khi anh chấp hành cai nghiện xong và chị đề nghị để anh Đ nuôi cả hai con chung; chị sẽ chu cấp nuôi con qua bố mẹ anh Đ. Xét đây là sự tự nguyện của chị D nên chấp nhận. Sau này nếu anh Đ không đủ điều kiện và không chăm sóc tốt con chung thì chị D có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị Phạm Thị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Trần Quang Đ.

2. Về con chung: Giao 2 con chung là Trần Lan A sinh ngày 02/5/2016 và Trần

Quang P sinh ngày 25/02/2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0002890 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; chị D đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống hợp hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh